

# XÂY DỰNG VÀNH ĐAI KINH TẾ VỊNH BẮC BỘ, ĐI SÂU HỢP TÁC HỮU NGHỊ TRUNG - VIỆT

CÓ TIỂU TÙNG\*

**T**rung Quốc và Việt Nam cùng chung Vịnh Bắc Bộ, có vị trí địa lý quan trọng, có nguồn tài nguyên phong phú, tiềm năng phát triển rất lớn. Do nguyên nhân lịch sử, hiện nay nơi đây vẫn là một khu vực đang phát triển. Cùng với sự bình thường hoá và phát triển hữu nghị của quan hệ Trung - Việt, lãnh đạo của hai nước đã đề ra phải đẩy mạnh hợp tác "một vành đai hai hành lang"<sup>1</sup>. "Một vành đai" nghĩa là vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ. Để thực hiện tốt hợp tác vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, thúc đẩy phát triển tình hữu nghị và mở cửa hai nước Trung - Việt, chúng ta phải nghiên cứu kỹ phạm vi, nội dung hợp tác, chính sách, biện pháp thực hiện của vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ.

## I. XU THẾ LỚN CỦA HỢP TÁC KHU VỰC

### 1. Nhất thể hoá khu vực

Sự phát triển của thế giới hiện nay chủ yếu có hai xu thế lớn : *Một là* toàn cầu hoá kinh tế, *hai là* nhất thể hoá khu vực. Nhất thể hoá kinh tế khu vực là chỉ hai hoặc hai nước (khu vực) trở lên lấy tiêu chí là vị trí địa lý gần nhau để đạt được hiệu ứng tập trung và bổ trợ lẫn nhau về kinh tế giữa các nước (khu vực)

trong khu vực, xây dựng một tập đoàn khu vực kinh tế có tính chất xuyên quốc gia bằng việc thúc đẩy sản phẩm và yếu tố sản xuất lưu chuyển tự do và phối hợp có hiệu quả trong khu vực nhất định. Liên minh châu Âu là tổ chức nhất thể hoá kinh tế khu vực thành công nhất đang mở rộng tổ chức về phía Đông và cả phía Nam, đang bước vào mục tiêu xây dựng khu kinh tế đại châu Âu. Khu mậu dịch tự do Bắc Mỹ phát triển nhanh chóng và đang tích cực xây dựng khu mậu dịch tự do châu Mỹ với các nước châu Mỹ khác. Châu Á, châu Phi và châu Đại Dương cũng đã thành lập rất nhiều tổ chức nhất thể hoá kinh tế khu vực và đang cố gắng tích cực mở rộng và đi sâu vào tổ chức. Thực tế chứng minh, thực hiện mậu dịch tự do không chỉ thúc đẩy tự do hoá mậu dịch giữa các thành viên mà còn thúc đẩy cả tự do hoá mậu dịch toàn cầu.

Liên minh châu Âu, tiền thân là Khối cộng đồng kinh tế châu Âu. Ban đầu, động lực đẩy mạnh liên minh châu Âu là khát vọng xây dựng lại châu Âu tổn thất

\* GS. Sở Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện KHXH Quảng Tây, Trung Quốc

nặng nề sau chiến tranh thế giới thứ II và tránh cho châu Âu lại lâm vào vũng bùn của chiến tranh. Liên minh châu Âu đã từ một thực thể mậu dịch trở thành một liên minh kinh tế và chính trị. Liên minh châu Âu là tổ chức quốc tế có năng lực nhất trong lịch sử hiện nay, và chừng mực nào đó, nó giống như một Nhà nước. Sau khi được mở rộng vào ngày 1-5-2004, hiện nay, Liên minh châu Âu có 25 nước thành viên, tổng diện tích là hơn 4 triệu km<sup>2</sup>, với số dân khoảng 450 triệu người, tổng giá trị sản phẩm quốc nội vượt 10.000 tỷ Euro. Mức độ nhất thể hoá của Liên minh châu Âu rất cao: mậu dịch tự do giữa các nước thành viên; thuế quan đối với ngoài khu vực như nhau, và có địa vị thống nhất; công dân của bất kỳ một nước thành viên nào đều có thể tự do cư trú hoặc làm việc trong các nước thành viên của Liên minh châu Âu; mọi công dân của các nước thành viên Liên minh châu Âu đều được bầu cử Chính phủ và Nghị viện châu Âu ở nước sở tại; vốn giữa các nước thành viên được tự do lưu thông; đồng tiền thống nhất là đồng Euro (trừ Anh, Thụy Điển và Đan Mạch); chính sách nông nghiệp và chăn nuôi chung; thực hiện một chính sách đối ngoại chung là mục tiêu cố gắng của Liên minh châu Âu v.v...

## 2. Xây dựng khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN và tổ chức triển lãm Trung Quốc - ASEAN

### a) Tăng cường hợp tác Trung Quốc - ASEAN

Từ khi đưa ra “Tuyên bố chung Hội nghị thượng đỉnh Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và các nước ASEAN” năm 1997 đến nay, quan hệ của Trung Quốc với ASEAN đã phát triển nhanh chóng,

toàn diện và sâu rộng. Về an ninh, chính trị, các nhà lãnh đạo cấp cao Trung Quốc và các nước ASEAN đã nhiều lần thăm viếng lẫn nhau, thông qua đàm phán hoà bình giải quyết tranh chấp và không ngừng đạt được nhận thức chung trong các công việc quốc tế, sự tin tưởng lẫn nhau về chính trị và hợp tác an ninh giữa hai bên không ngừng được tăng cường. Năm 2002 Trung Quốc và các nước ASEAN, đã ký “Quy tắc ứng xử biển Đông”, để bảo đảm chắc chắn hoà bình và ổn định khu vực biển Đông. Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN và Trung Quốc “10+1” lần thứ VII tổ chức vào tháng 10 năm 2003 Trung Quốc đã ký “Điều ước Hợp tác hữu nghị Đông Nam Á”. Trung Quốc là nước ngoài ASEAN đầu tiên gia nhập điều ước này. Đây cũng là điều ước đầu tiên gia nhập một tổ chức quốc tế có tính khu vực của Trung Quốc. Tháng 10 - 2003 Trung Quốc và các nước ASEAN cũng đã ký kết “Tuyên bố chung Hội nghị thượng đỉnh của CHND Trung Hoa với các nước ASEAN”, tuyên bố Trung Quốc và ASEAN xây dựng “quan hệ bạn hàng chiến lược hướng tới hoà bình phần vịnh”. Từ những năm 90 của thế kỷ XX trở lại đây, buôn bán của Trung Quốc với ASEAN tăng trưởng nhanh chóng, năm 2003 buôn bán Trung Quốc - ASEAN đã đạt tới mức kỷ lục 78,2 tỷ USD. Hiện nay, Trung Quốc đã trở thành bạn hàng lớn thứ năm của ASEAN, ASEAN là bạn hàng lớn thứ sáu của Trung Quốc.

Ngày 8-10-2003, Thủ tướng Ôn Gia Bảo tham gia Hội nghị thượng đỉnh “10+1” lần thứ VII được tổ chức tại Bali của Indônêxia. Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã nêu rõ, trong tình hình mới, Trung Quốc sẽ tăng cường hợp tác với ASEAN ở

6 mặt sau: *Một là* tăng cường đối thoại chính trị, tăng thêm sự tin cậy lẫn nhau. Hai bên sẽ tăng cường hơn nữa các chuyến thăm viếng của lãnh đạo cấp cao, phát huy tác dụng đối thoại và cơ chế thương lượng ở các cấp, củng cố thêm một bước cơ sở chính trị và pháp luật trong quan hệ giữa hai bên; *hai là* đi sâu vào quan hệ kinh tế mậu dịch, thúc đẩy cùng phát triển. Nâng cao hơn nữa kim ngạch thương mại hai bên, cố gắng thực hiện mục tiêu đột phá kim ngạch thương mại lên 100 tỷ USD vào trước năm 2005. Hai bên đẩy nhanh đàm phán, xây dựng khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN đúng thời hạn và đi sâu hợp tác hơn nữa trong các lĩnh vực tiền tệ, dịch vụ, đầu tư, nông nghiệp, thông tin; *ba là* củng cố hợp tác an ninh, bảo đảm ổn định khu vực; *bốn là* triển khai hợp tác giao lưu khoa học kỹ thuật, thực hiện bổ sung những ưu thế của nhau. Tích cực triển khai ứng dụng thông tin điện tử, kỹ thuật sinh học, địa chấn học, khoa học hải dương và nghiên cứu tài nguyên sinh vật nhiệt đới; *năm là* mở rộng hợp tác toàn diện, tạo phúc lợi cho nhân dân hai bên. Chẳng hạn như hợp tác trong lĩnh vực khai thác lưu vực sông Mê Kông, đường sắt xuyên Á, khai thác nguồn lực y tế công cộng, hợp tác trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục, xây dựng cơ chế hội nghị Bộ trưởng thanh niên Trung Quốc-ASEAN, mở ra các dự án và hoạt động đầu tư thương mại Trung Quốc - ASEAN; *Sáu là* tăng cường phối hợp cân đối, tạo môi trường ổn định.

*b) Xây dựng khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN*

Bước vào thế kỷ XXI, để theo kịp tiến trình phát triển nhanh chóng của thế

giới, khu vực châu Á cũng phải tăng nhanh bước đi nhất thể hoá khu vực và tự do hoá mậu dịch. Ngày 4-11-2002, tại cuộc gặp mặt cấp cao "10+1" tổ chức mỗi năm một lần tại thủ đô Phnôm-pênh Campuchia, Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ đã ký kết với lãnh đạo của 10 nước ASEAN "Hiệp định khung Hợp tác kinh tế toàn diện Trung Quốc và ASEAN". Hai bên nhất trí đồng ý xây dựng Khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN vào năm 2010. Đây sẽ là khu mậu dịch tự do của các nước đang phát triển có số dân đông nhất thế giới, có diện tích đạt tới 14 triệu km<sup>2</sup>, tổng dân số là 1,8 tỷ người, GDP khoảng 2.000 tỷ, quy mô mậu dịch khoảng 1.200 tỷ USD. Nó sẽ là một khu mậu dịch tự do quan trọng của thế giới sau Liên minh châu Âu và Khu mậu dịch tự do Bắc Mỹ.

Trong khuôn khổ Khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, từ 1 - 10 - 2003 Trung Quốc và Thái Lan đã thực hiện thuế suất rau quả bằng không, đánh dấu Khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN đã chính thức khởi động. Ngày 1-1-2004 "Chương trình thu hoạch sớm" của Khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN đã bắt đầu. Đến năm 2006, mức thuế của hơn 500 loại nông sản phẩm giữa các nước sẽ hạ xuống bằng không.

*c) Tổ chức triển lãm Trung Quốc - ASEAN*

Để thúc đẩy hợp tác hữu nghị giữa Trung Quốc với ASEAN, thúc đẩy sự hình thành Khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, bắt đầu từ năm 2004, Trung Quốc và 10 nước ASEAN sẽ tổ chức triển lãm Trung Quốc - ASEAN mỗi năm một lần tại Nam Ninh - Quảng Tây.

### 3. Hợp tác Hoa Nam với bán đảo Trung Nam

#### a) Xây dựng Khu vực tam giác kinh tế Chu Giang mở rộng

Ngày 3-11-2003, tại “ Hội nghị tư vấn quốc tế phát triển kinh tế Quảng Đông năm 2003” lần đầu tiên uỷ viên Bộ chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Đông Trương Đức Giang nêu ra kế hoạch xây dựng “Khu kinh tế tam giác Chu Giang mở rộng”. Khu vực này cũng gọi là “9+2”, bao gồm Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên, Hồ Nam, Phúc Kiến, Hải Nam và Hồng Kông, Ma Cao, tổng diện tích là 1,99 triệu km<sup>2</sup>, tổng số nhân khẩu là 450 triệu người. GDP năm 2002 của 9 tỉnh và khu tự trị là 3.447,4 tỷ NDT, chiếm 34% cả nước. Riêng Quảng Đông, GDP năm 2003 là 1.345 tỷ NDT, chiếm khoảng 10% cả nước. Ngày 3-6-2004, người phụ trách của các bên “9+2” đã cùng ký “Hiệp định khung hợp tác khu vực tam giác Chu Giang” tại Quảng Châu. Hiệp định yêu cầu các bên triển khai hợp tác toàn diện ở 10 lĩnh vực hạ tầng cơ sở, ngành nghề và đầu tư, thương vụ và mậu dịch, du lịch, nông nghiệp, lao động, khoa học giáo dục văn hoá, xây dựng phổ cập thông tin, bảo vệ môi trường, vệ sinh phòng dịch.

Tổng lượng kinh tế khu vực tam giác Chu Giang mở rộng lớn, trình độ phát triển cao, mức độ mở cửa cũng lớn, là một khu hợp tác kinh tế tầm cỡ thế giới. Phạm vi của khu vực này sẽ mở rộng tới cả vùng Hoa Nam và khu vực Đông Nam Á. Quảng Tây vừa vạm nằm trong vùng kết hợp giữa Hoa Nam và Đông Nam Á cho nên việc hình thành hợp tác khu

kinh tế tam giác Chu Giang mở rộng cũng là một cơ hội quan trọng cho sự phát triển của Quảng Tây.

#### b) Hợp tác Hoa Nam với bán đảo Trung Nam

Trong hợp tác bên ngoài khu vực tam giác kinh tế Chu Giang mở rộng quan trọng nhất là hợp tác Hoa Nam với bán đảo Trung Nam

- Ưu thế của hợp tác khu vực: địa lí liền kề

Trung Quốc với Đông Nam Á núi liền núi, sông liền sông. Hoa Nam với Đông Nam Á núi sông nối liền càng trực tiếp hơn. Quảng Đông, Hải Nam, Hồng Kông, Ma Cao với các nước Philippin, Brunei, Indônêxia, Singgapo, Malaixia, Thái Lan, Campuchia, Việt Nam sông liền sông, biển liền biển. Quảng Tây không chỉ có vùng duyên hải liền kề với các nước nói trên, mà còn có đường núi tiếp giáp với Việt Nam, nằm ở phía bắc bán đảo Trung Nam, với biên giới chung dài 637 km. Hoa Nam thuộc biên giới Trung Quốc, từ xưa đến nay có mối quan hệ kinh tế văn hoá mật thiết với các nước Đông Nam Á. Ngoài con đường thông suốt trên đất liền, ven biển các cảng Hợp Phố nổi tiếng được coi là một trong các cảng khởi đầu của con đường tơ lụa trên biển, ngay từ đời Hán đã là một cảng biển mở cửa quan trọng của Trung Quốc tới các nước phía Nam.

Sau khi xây dựng Khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, Hoa Nam trở thành con đường và đầu mối giao thông quan trọng đi lại của hai bên. Sự giao lưu giữa biển và đất liền của Trung Quốc với các nước ASEAN được tụ hội ở Hoa Nam. Hoa Nam trở thành vùng kết hợp

giữa hai thị trường lớn của Trung Quốc với ASEAN, hai bên có thể lợi dụng triệt để nguồn tài nguyên và thị trường của hai vùng để phục vụ cho phát triển kinh tế

- Hoa Nam và bán đảo Trung Nam có tính bổ trợ lẫn nhau rất mạnh mẽ

Hoa Nam, về kinh tế, không chỉ là khu vực trọng điểm của Trung Quốc, mà trên thế giới cũng có vai trò quan trọng. Năm 2001, riêng Hồng Kông và vùng tam giác Chu Giang GDP đã đạt 265 tỷ USD, tương đương với tổng lượng kinh tế của Xingapo, Malaixia và Thái Lan. Vành đai kinh tế này đã trở thành một trong những khu kinh tế năng động và đặc sắc nhất của thế giới, đặc biệt là trong khu vực kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, và tiếp tục trở thành một "cực tăng trưởng" của "đầu tàu" kinh tế hướng ngoại của Trung Quốc, dẫn dắt kinh tế cả nước phát triển. Trong đó Hồng Kông là trung tâm mậu dịch, trung tâm tiền tệ và trung tâm vận chuyển hàng không quan trọng của thế giới. Quảng Đông lại là đội quân tiên phong của cải cách mở cửa Trung Quốc, trình độ công nghiệp hoá đã đạt mức rất cao. Từ khi cải cách mở cửa đến nay, kinh tế Quảng Đông phát triển liên tục, nhanh chóng, lành mạnh, đã tích tụ một thực lực kinh tế to lớn. Thời kỳ "Kế hoạch 5 năm lần thứ 9", GDP hàng năm của Quảng Đông đều tăng trưởng 10,3%. Năm 2002, GDP toàn tỉnh đạt 1.167,4 tỷ NDT, chiếm 14,51% tổng lượng của toàn quốc; GDP bình quân đầu người là 14.855 NDT. GDP của Quảng Đông đã xấp xỉ Indonexia, đất nước 200 triệu dân, vượt qua bất kỳ một nước Đông Nam Á nào khác, GDP bình quân đầu

người tương đương với Thái Lan (GDP bình quân đầu người của Thái Lan năm 2000 là 1.950 USD). GDP bình quân đầu người thành phố Quảng Châu đã đạt trên 5.000 USD, đứng đầu trong 10 thành phố lớn của cả nước. Xuất khẩu ngoại thương của Quảng Đông chiếm trên 1/4 toàn quốc. Quảng Đông đã đề ra phải nhanh chóng đuổi kịp "bốn con rồng" châu Á. Trung Quốc có 5 đặc khu kinh tế, trong đó có 4 ở khu vực Hoa Nam: Thâm Quyến, Chu Hải, Sán Đầu, Hải Nam.

Miền Bắc bán đảo Trung Nam có 5 nước, ngoài kinh tế Thái Lan phát triển khá nhanh, 4 nước khác đều là nước nông nghiệp có nền kinh tế kém phát triển. Do đó, Hoa Nam và lưu vực sông Mê Kông về kinh tế có tính bổ trợ lẫn nhau rất lớn, có thể triển khai hợp tác về nhiều mặt như đầu tư, mậu dịch, du lịch.

*Trước hết*, về đầu tư, bán đảo Trung Nam đang ở trong giai đoạn khai thác và phát triển ban đầu có một khối lượng lớn dự án phải thực hiện, đòi hỏi phải đầu tư một khối lượng vốn lớn, mà Hồng Kông của Hoa Nam là thực thể kinh tế dự trữ ngoại tệ lớn thứ tư trên thế giới, sau Nhật Bản, Trung Quốc đại lục, khu vực Đài Loan, hàng năm có lượng vốn lớn cần đầu tư ra bên ngoài. Hiện nay, Hồng Kông là nguồn vốn bên ngoài lớn thứ ba của Việt Nam. Tăng cường hợp tác giữa Hoa Nam với bán đảo Trung Nam sẽ thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư lẫn nhau và hợp tác ngành nghề của khu vực này.

*Thứ hai*, về thương mại, trước và sau khi khu vực Đông Dương lập lại hoà bình, thương nhân Hồng Kông đã nhanh chóng đến đây để làm ăn. Trước và sau khi quan hệ Trung - Việt bình thường

hoá, giữa Trung Quốc đại lục và Việt Nam chưa có mối giao lưu buôn bán với khối lượng lớn nhưng buôn bán chuyển khẩu với khối lượng lớn giữa hai bên đã được thực hiện thông qua Hồng Kông. Hậu phương của Hoa Nam là thị trường lớn của Trung Quốc với 1,3 tỷ dân, mà đằng sau bán đảo Trung Nam cũng là khu mậu dịch tự do ASEAN lớn với 530 triệu dân. Cùng với việc Trung Quốc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN từng bước được hình thành, mức buôn bán của hai bên sẽ ngày càng mở rộng. Hoa Nam và bán đảo Trung Nam trở thành cầu nối giữa hai thị trường lớn, có tác dụng ngày càng lớn.

Ngoài ra là hợp tác về mặt du lịch, từ Hoa Nam đến bán đảo Trung Nam đều có rất nhiều môi trường văn hoá và phong cảnh tự nhiên nổi tiếng trên thế giới, như Quế Lâm của Quảng Tây, Vịnh Hạ Long, Huế của Việt Nam, Ăngkô của Campuchia, Pataya của Thái Lan... đều là thắng cảnh du lịch tầm cỡ thế giới. Sau khi Trung Quốc cải cách mở cửa, thủ tục ra nước ngoài ngày càng thuận tiện, thu nhập của nhân dân ngày càng tăng lên, những kỳ nghỉ cũng ngày càng nhiều, một năm có 3 kỳ nghỉ dài: tết âm lịch, ngày Quốc tế lao động và Quốc Khánh. Mỗi lần đều kéo dài trong thời gian 7 ngày. Người dân không hứng thú đi du lịch trong nước, đặc biệt là sau khi người Quảng Đông giàu lên, họ đã coi Đông Nam Á là nơi được chọn đến du lịch trước tiên. Người miền Bắc Trung Quốc mùa đông phải đi du lịch xuống phía Nam, nơi chọn trước tiên là Hải Nam và Việt Nam. Trung Quốc hiện nay đã trở thành nước có số người đi du lịch hàng năm đến Việt Nam nhiều nhất. Có

thể thấy, việc tăng cường hợp tác giữa Hoa Nam với bán đảo Trung Nam sẽ làm cho du lịch giữa hai khu vực này đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt.

- Lựa chọn hợp tác song phương

Giữa Hoa Nam và bán đảo Trung Nam có thể có sự hợp tác nhiều tầng cấp, nhiều hình thức. Ngoài hợp tác lưu vực sông Mê Kông đã và đang được tiến hành, hiện nay còn có hai hạng mục hợp tác rất thực chất: một là hành lang kinh tế Hồng Kông- Xinggapo được tiến hành xây dựng trên đất liền theo tuyến đường sắt và tuyến quốc lộ xuyên Á. Hành lang này đi qua rất nhiều tỉnh, thành phố của 7 nước Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Malaixia, Xinggapo; Hai là Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ trên biển. Tham gia vào vành đai kinh tế chủ yếu là các tỉnh thành phố bên bờ Vịnh Bắc Bộ của Trung Quốc và Việt Nam.

## **II. ĐỀ XUẤT VỀ QUAN HỆ HỮU NGHỊ TRUNG- VIỆT VÀ VÀNH ĐAI KINH TẾ VỊNH BẮC BỘ**

### **1. Quan hệ Trung - Việt đầu thế kỷ XXI**

Sau khi quan hệ hai nước bình thường hoá, quan hệ chính trị hai bên phát triển rất nhanh, hàng năm lãnh đạo của hai nước đều có các cuộc thăm viếng lẫn nhau, trao đổi cách làm và kinh nghiệm cải cách mở cửa, giải quyết những vấn đề quan trọng còn tồn đọng, không ngừng thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa hai nước lên tầm cao mới. Trong cuộc hội đàm giữa lãnh đạo hai nước năm 1999, hai bên đã xác định quan hệ hai nước phát triển theo phương châm 16 chữ "láng giềng hữu nghị, hợp tác

toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai". Mức buôn bán hai bên từ năm 1991 đến nay đã liên tục đạt kỷ lục cao nhất trong lịch sử. Theo thống kê của các ngành hữu quan Trung Quốc, năm 2000 kim ngạch mậu dịch hai bên đã vượt qua ngưỡng 2 tỷ USD, năm 2003 tăng lên đến 4,63 tỷ USD, tăng gấp 140 lần so với năm 1991. Từ tháng 1-7/2004, khối lượng mậu dịch hai bên đạt tới 3,749 tỷ USD, tăng 39,32% so với cùng kỳ năm trước.

Quan hệ hữu nghị Trung - Việt là xu thế lớn hợp lòng dân. Nhân tố có lợi cho sự phát triển quan hệ hai nước đã vượt qua những vấn đề còn tồn tại. "Hai bên cho rằng, tình hữu nghị Trung - Việt là tài sản chung của hai Đảng, hai nước, nhân dân hai nước. Không ngừng tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện hai Đảng, hai nước Trung - Việt trong thế kỷ mới, không những phù hợp với lợi ích căn bản của hai Đảng, hai nước, nhân dân hai nước mà còn có lợi cho hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới"<sup>(1)</sup>. Vấn đề quan trọng là hai bên phải không ngừng tăng cường tin cậy lẫn nhau, trước mắt phải xử lý tốt vấn đề Trường Sa (theo Quy tắc ứng xử biển Đông), tiếp tục mở rộng mức độ giao lưu và hợp tác kinh tế mậu dịch. Như vậy, quan hệ giữa hai nước Trung - Việt thế kỷ XXI sẽ là quan hệ bình đẳng, cùng có lợi, láng giềng hữu nghị, hợp tác tích cực, cùng nhau phát triển.

## 2. Phân định Vịnh Bắc bộ

Năm 1999 hai bên đã đạt được Hiệp nghị về vấn đề phân định đường biên giới trên đất liền, năm 2000 hai nước cuối cùng đã giải quyết được vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ. Ủy ban thường

vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc của Trung Quốc và Quốc hội Việt Nam tháng 6-2004 đã phê chuẩn "Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ". Ngày 30-6 cùng năm, trưởng đoàn đại biểu của Chính phủ Trung Quốc đàm phán về biên giới Trung - Việt - Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Vương Nghị với trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam - Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng ban Biên giới Vũ Dũng đã trao đổi thư phê chuẩn Hiệp định này tại Hà Nội. Đồng thời, lãnh đạo ngoại giao hai nước trong ngày này cũng trao đổi công hàm công nhận hiệu lực của "Hiệp định Hợp tác nghề cá trên Vịnh Bắc Bộ giữa Chính phủ nước CHND Trung Hoa và Nước CHXHCN Việt Nam". Từ đó, hai Hiệp định đó cũng đồng thời có hiệu lực. Đối với vấn đề này, Thứ trưởng Vương Nghị nói: "Việc ký kết và có hiệu lực của hai Hiệp định này là kết quả nỗ lực chung của cả hai bên dưới sự quan tâm của lãnh đạo hai nước cũng như sự chỉ đạo của Chính phủ hai nước, có lợi cho hoà bình và ổn định của biên giới Trung - Việt, có lợi cho sự ổn định lâu dài ở khu vực Vịnh Bắc Bộ, có lợi cho việc thúc đẩy bước phát triển mới trong quan hệ Trung - Việt.

## 3. Đề xuất Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ

Tháng 5 - 2004 Thủ tướng Phan Văn Khải thăm Trung Quốc, đã tiến hành hội đàm với Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo tại Bắc Kinh. Tháng 10 cùng năm, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo thăm Việt Nam, cũng có cuộc hội đàm với Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải. Trong hai cuộc hội đàm này, hai bên đều

nhất trí đề ra mục tiêu đến năm 2010 kim ngạch mậu dịch hai nước đạt 10 tỷ USD. Hai bên xác định hợp tác xây dựng “Hai hành lang một vành đai”: hành lang Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh và Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng và Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, đây là quy hoạch chung của hai nước trong hợp tác kinh tế trung hạn và dài hạn. Xây dựng tốt “Hai hành lang một vành đai” không những có thể tạo nên sự liên kết kinh tế giữa miền Nam Trung Quốc với miền Bắc Việt Nam thành một thực thể, thúc đẩy sự phát triển của khu vực này, đồng thời cũng có thể trở thành cầu nối thúc đẩy hợp tác giữa Trung Quốc và ASEAN.

#### 4. Ý nghĩa quan trọng của việc xây dựng Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ.

Tác dụng của Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ trong hợp tác Trung Quốc – ASEAN.

*Trước tiên*, Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ là vành đai quan trọng nhất trong hợp tác giữa Trung Quốc với các nước ASEAN, duyên hải phía tây Thái Bình Dương. Sự liên thông của Vành đai này có thể làm cho vùng Đông Bắc Á với Đông Nam Á liên kết lại. Tuy tổng lượng kinh tế của Vành đai kinh tế này là không lớn, nhưng ý nghĩa hợp tác của nó là vô cùng lớn.

*Thứ hai*, nó là sự trao đổi thông qua đường biển giữa miền Tây Trung Quốc với các quốc gia có biển ở Đông Nam Á, hàng hóa của hai bên có thể vận chuyển và trao đổi thông qua các hải cảng của Vịnh Bắc Bộ.

*Thứ ba*, nó là vùng tổ hợp các nguồn tài nguyên thuận tiện nhất giữa Hoa

Nam với Đông Nam Á, hai bên đều có thể từ đây trực tiếp xâm nhập vào thị trường lớn của nhau.

*Thứ tư*, việc thành lập vành đai này có thể xúc tiến sự hợp tác hữu nghị Trung-Việt được sâu sắc hơn.

*Thứ năm*, việc thành lập này sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hơn sự mở cửa và phát triển của vùng.

### III. PHẠM VI VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA VÀNH ĐAI KINH TẾ VỊNH BẮC BỘ.

#### 1. Phạm vi

Phạm vi hợp tác của Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ cần suy xét đến diện tích khu vực hành chính, số lượng dân số, tình trạng ngành nghề... của hai bên tham gia, có thể chia thành hai bước hoặc hai cấp độ:

##### a. Cấp độ trực tiếp

Phạm vi hợp tác của Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ: từ góc độ quốc gia, hai nước Trung - Việt là hai nước vùng duyên hải Vịnh Bắc Bộ; nếu lấy cấp tỉnh của hai nước làm đơn vị để hợp tác, phía Trung Quốc có 3 tỉnh: khu tự trị Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam; phía Việt Nam có 10 tỉnh, thành phố vùng ven biển. Còn để tiến hành hợp tác mang tính thực chất tương đối để tổ chức thì Vành đai chủ yếu được tổ thành từ 5 thành phố: cảng Phòng Thành, Khâm Châu, Bắc Hải, Ngọc Lâm và Nam Ninh của tỉnh Quảng Tây, thành phố Trạm Giang của tỉnh Quảng Đông và tỉnh Hải Nam với 10 tỉnh, thành phố duyên hải của Việt Nam, đây là một vùng phạm vi tương đối lý tưởng. (Xem bảng 1).



### **b. Cấp độ mở rộng**

Để cho càng nhiều khu vực thông qua việc tham gia hợp tác đạt lợi ích và phát triển, những khu vực tham gia hợp tác của hai nước Trung - Việt có thể mở rộng. Với Trung Quốc sẽ bao gồm toàn bộ Quảng Tây, toàn bộ Hải Nam và 3 thành

phố Trạm Giang, Mạo Danh, Dương Giang của Quảng Đông (tức là khu vực Trạm Giang trước kia); Về phía Việt Nam có thể là 10 tỉnh duyên hải Vịnh Bắc Bộ, cũng có thể mở rộng đến toàn bộ khu vực miền Bắc.

**Bảng 1: TÌNH HÌNH DIỆN TÍCH, DÂN SỐ VÀ GDP CỦA VÀNH ĐAI KINH TẾ VỊNH BẮC BỘ**

	Diện tích (Km <sup>2</sup> )	Dân số (1.000 người)	GDP(tỷ NDT)
<b>Trung Quốc</b>	113.876	39.800	289,7
<b>Quảng Tây</b>	55.418	17.950	111,5
Cảng Phòng Thành	6.181	790	7,2
Khâm Châu	10.800	3.370	15,5
Bắc Hải	3.337	1.470	14
Ngọc Lâm	12.800	5.900	24,5
Nam Ninh	22.300	6.420	50,3
<b>Quảng Đông</b>	24.458	13.820	117,8
Trạm Giang	13.000	7.140	52,1
Mạo Danh	11.458	6.680	65,7
<b>Hải Nam</b>	34.000	8.030	60,4
<b>Việt Nam</b>	58.452	16.800	
<b>Quảng Ninh</b>	5.900	1.060	
<b>Hải Phòng</b>	1.526	1.750	
<b>Thái Bình</b>	1.545	1.830	
<b>Nam Định</b>	1.638	1.940	
<b>Ninh Bình</b>	1.384	910	
<b>Thanh Hóa</b>	11.112	3.620	
<b>Nghệ An</b>	16.493	2.980	
<b>Hà Tĩnh</b>	6.056	1.280	
<b>Quảng Bình</b>	8.052	820	
<b>Quảng Trị</b>	4.746	610	

**Chú thích:** Bảng biểu trên do tác giả tổng hợp từ số liệu đã công bố của Trung Quốc và Việt Nam. Số liệu thống kê diện tích Việt Nam là năm 2002, dân số là năm 2003; Số liệu diện tích của Quảng Tây là năm 2003.

**Nguồn:** “Niên giám thống kê Trung Quốc năm 2003”, Nxb Thống kê Trung Quốc, năm 2003; Chính quyền nhân dân khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây chủ trì: “Niên giám Quảng Tây năm 2004”; Chính quyền nhân dân tỉnh Quảng Đông chủ trì: “Niên giám Quảng Đông năm 2004”, năm 2004; “Niên giám thống kê năm 2003” Nxb Thống kê Việt Nam, năm 2004.

Để tiện cho việc thao tác, bước đầu có thể bắt đầu từ cấp độ trực tiếp, cùng với việc đi sâu vào hợp tác, căn cứ vào nhu cầu để mở rộng ra toàn bộ Quảng Tây, Hải Nam và 3 thành phố của Quảng Đông và toàn bộ Bắc Bộ Việt Nam. (Xem bảng 2)

**Bảng 2: TÌNH HÌNH DIỆN TÍCH, DÂN SỐ VÀ GDP CỦA VÀNH ĐAI KINH TẾ VỊNH BẮC BỘ**

	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Dân số (1.000 người)	GDP (tỷ NDT)
Trung Quốc	302.932	73.020	475
<i>Quảng Tây</i>	236.661	48.570	273,5
<i>Quảng Đông</i>	32.271	16.420	141,1
Trạm Giang	13.000	7.140	52,1
Mạo Danh	11.458	6.680	65,7
Dương Giang	7.813	2.600	23,3
<i>Hải Nam</i>	34.000	8.030	60,4
Việt Nam	58.452	16.800	
<i>Quảng Ninh</i>	5.900	1.060	
<i>Hải Phòng</i>	1.526	1.750	
<i>Thái Bình</i>	1.545	1.830	
<i>Nam Định</i>	1.638	1.940	
<i>Ninh Bình</i>	1.384	910	
<i>Thanh Hóa</i>	11.112	3.620	
<i>Nghệ An</i>	16.493	2.980	
<i>Hà Tĩnh</i>	6.056	1.280	
<i>Quảng Bình</i>	8.052	820	
<i>Quảng Trị</i>	4.746	610	

*Chú thích:* Bảng biểu trên do tác giả tổng hợp theo số liệu đã công bố của Trung Quốc và Việt Nam. Số liệu thống kê diện tích Việt Nam là năm 2002, dân số là năm 2003; Số liệu diện tích của Quảng Tây là năm 2003.

*Nguồn:* “Niên giám thống kê Trung Quốc năm 2003”, Nxb Thống kê Trung Quốc, năm 2003; Chính quyền nhân dân khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây chủ trì: “Niên giám Quảng Tây năm 2004”, năm 2004; Chính quyền nhân dân tỉnh Quảng Đông chủ trì: “Niên giám Quảng Đông năm 2004”, năm 2004; “Niên giám thống kê năm 2003” Nxb Thống kê Việt Nam, năm 2004.

**1. Hiện trạng phát triển**

Trước đây, vùng Đông Dương thời gian dài trong trạng thái chiến tranh, 3

tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông và Hải Nam của Trung Quốc với 10 tỉnh duyên hải khu vực Vịnh Bắc Bộ của Việt Nam

thực hiện cải cách mở cửa tương đối muộn, do đó khu vực này đều là khu vực có trình độ phát triển kinh tế xã hội thuộc mức trung bình, không sản nghiệp và doanh nghiệp nào có vị trí quan trọng trên trường quốc tế, chỉ có ưu thế nhất định về mặt vận tải và du lịch. Vịnh Hạ Long của Việt Nam năm 1994 được công nhận là Di sản thiên nhiên của thế giới. Khu du lịch Bắc Hải, Quảng Tây và Tam Á, đảo Hải Nam có vị trí nhất định tại Trung Quốc. Năm 2003, bình quân GDP đầu người của các vùng duyên hải xung quanh Vịnh Bắc Bộ Trung Quốc là 7.279 NDT, ước khoảng 880 USD, gần đạt bằng mức bình quân toàn quốc. Phía Việt Nam ước khoảng 500 USD.

Quảng Tây là một trong những bộ phận tổ thành quan trọng của Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, có đường bờ biển dài, dân số đông, vùng đất rộng lớn, là bộ phận kết hợp giữa đường thủy, đường bộ của Trung Quốc và Việt Nam. Xuất phát từ quan điểm tương hỗ và là vùng đất trung tâm, thì thành phần tham gia của Quảng Tây trước hết từ 3 thành phố truyền thống: Bắc Hải, Khâm Châu và cảng Phòng Thành, mở rộng ra 5 thành phố: Bắc Hải, Khâm Châu, cảng Phòng Thành cộng thêm Ngọc Lâm và Nam Ninh. Bắc Hải có ưu thế về du lịch, hải cảng và lịch sử văn hóa; Khâm Châu có ưu thế về hải cảng, lịch sử văn hóa; cảng Phòng Thành có ưu thế về hải cảng và cửa khẩu biên giới trên đất liền; Ngọc Lâm có ưu thế ngành công nghiệp và gần trung tâm tam giác Chu Giang; Nam Ninh có ưu thế tổng hợp về chính trị, kinh tế và văn hóa. Như vậy, tổng lượng về diện tích, dân số và GDP (năm 2003) của Quảng Tây tăng từ 20.318

km<sup>2</sup>; 5,63 triệu người và 36,7 tỷ NDT của 3 thành phố tham gia vào hợp tác Vịnh Bắc Bộ lên 55.418 km<sup>2</sup>; 17,95 triệu người và 111,5 tỷ NDT của 5 thành phố, số liệu sau tăng lần lượt gấp 2,7 - 3,2 - 3 lần số liệu trước.

#### IV. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA HỢP TÁC VÀNH ĐAI KINH TẾ VỊNH BẮC BỘ

##### 1. Mục tiêu hợp tác và nguyên tắc chỉ đạo.

a) Mục tiêu: Thông qua triển khai hợp tác khu vực, thúc đẩy hòa bình và hữu nghị của khu vực Vịnh Bắc Bộ; tăng nhanh sự phát triển kinh tế và xã hội của khu vực này; làm cầu nối thúc đẩy hợp tác Trung Quốc và ASEAN; cuối cùng xây dựng thành một cơ cấu điều tiết, có cơ chế hợp tác trong khu vực kinh tế xuyên quốc gia.

b) Nguyên tắc chỉ đạo: Hợp tác khu vực thứ hai dưới khung của Khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, bình đẳng, cùng có lợi và cùng hưng thịnh; phát huy ưu thế của mình, thể hiện đặc sắc riêng, thúc đẩy phân phối hợp lý nguồn tài nguyên, bố trí hợp lý các ngành nghề, cố gắng giảm thiểu xây dựng trùng lặp; kiên trì phát triển khoa học, cùng kết hợp giữa phát triển và bảo hộ, làm cho khu vực Vịnh Bắc Bộ có tốc độ phát triển nhanh dưới tiền đề duy trì môi trường sinh thái hoàn mỹ; trước tiên cần thảo luận kỹ để đạt được nhận thức chung, sau đó mới tiến hành thao tác. Để trước khó sau, tiến hành từng bước.

##### 2. Nội dung chủ yếu

Nội dung hợp tác Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ rất phong phú, chủ yếu là

hợp tác giữa sản nghiệp và đầu tư, giữa thương nghiệp và mậu dịch, du lịch, khai thác và bảo vệ tài nguyên biển, bảo vệ môi trường, vận tải giao thông đường thủy và bộ.... Hiện nay nên suy nghĩ trước 5 lĩnh vực về giao thông, du lịch, nghề cá, bảo vệ môi trường và khu hợp tác kinh tế biên giới.

### 3. Dự án trọng điểm

*Thứ nhất*, hợp tác giao thông nên tiến hành trước. Trong đó, nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết nhất là xây dựng trục đường cao tốc Vịnh Bắc Bộ và trục đường sắt Vịnh Bắc Bộ:

*Một là*, trục đường cao tốc Vịnh Bắc Bộ: TP. Trạm Giang – TP. Bắc Hải – TP. Khâm Châu – TP. Cảng Phòng Thành – TP. Hạ Long – TP. Hải Phòng – Thái Bình – Nam Định – Ninh Bình – Thanh Hóa – TP. Vinh – Hà Tĩnh – TP. Đồng Hới – TP. Đông Hà. Đường cao tốc này có thể nối liền với đường cấp cao của bán đảo Trung Nam ở miền Trung Việt Nam là hành lang Đông - Tây của 4 nước Việt Nam – Lào – Thái Lan – Miến Điện. Hiện nay, từ TP. Bắc Hải, Quảng Tây đến TP. Cảng Phòng Thành đã có đường cao tốc, Trạm Giang đến Bắc Hải cũng đang trong quá trình sửa chữa xây dựng, cần xây dựng mới hơn 1.000 km đoạn đường từ TP. Cảng Phòng Thành, Quảng Tây đến miền Trung Việt Nam.

*Hai là*, trục đường sắt Vịnh Bắc Bộ: TP. Trạm Giang – TP. Bắc Hải – TP. Khâm Châu – TP. Cảng Phòng Thành – TP. Hạ Long – TP. Hải Phòng – Thái Bình – TP. Nam Định – Ninh Bình –

Thanh Hóa – TP. Vinh – Hà Tĩnh – TP. Đồng Hới – TP. Đông Hà. Tuyến đường sắt này có thể tiếp nối với tuyến Đông đường sắt xuyên Á. Hiện nay, thành phố Trạm Giang, Quảng Đông đã có tuyến đường sắt từ phía Nam Hà Chấn và TP. Bắc Hải đến TP. Cảng Phòng Thành, cần xây dựng mới từ Hà Chấn đến Hợp Phố, Bắc Hải khoảng hơn 100 km và TP. Cảng Phòng Thành Quảng Tây đến Hạ Long, Việt Nam 200 km. Tuyến đường sắt này có thể chia thành 2 bước, trước tiên là nối thông suốt, sau đó sửa toàn tuyến thành tuyến đường sắt có kích thước chuẩn thống nhất.

*Thứ hai*, hợp tác du lịch để kết thành trái lớn. Du lịch là ngành công nghiệp không khói. Nguồn tài nguyên du lịch của vùng duyên hải Vịnh Bắc Bộ phong phú: ánh nắng, bãi biển và cảnh biển, là vùng đất du lịch có sức hấp dẫn rất lớn. Nguồn khách du lịch ở đây chủ yếu có 2 bộ phận cấu thành: một là, du khách từ nội địa Trung Quốc, nhất là du khách từ Tây Nam, Tây Bắc và khu vực miền Trung; hai là, du khách từ châu Âu. Hợp tác du lịch Vịnh Bắc Bộ chủ yếu bao gồm ba phương diện sau: *một là*, hình thành tuyến đường du lịch Vịnh Bắc Bộ, chủ yếu bao gồm có các “tua” du lịch ngắn và du lịch vòng quanh Vịnh Bắc Bộ. Hành trình ngắn là (Cảng Phòng Thành) Bắc Hải Trung Quốc – Vịnh Hạ Long, Việt Nam; vòng quanh Vịnh Bắc Bộ là tuyến hành trình dài: Bắc Hải – Khâm Châu – Cảng Phòng Thành – Vịnh Hạ Long – Hải Phòng – Sầm Sơn – Huế – Đà Nẵng – Tam Á – Trạm Giang; *hai là*, hợp tác giữa các vùng đất đến của du lịch duyên hải Vịnh Bắc Bộ: hàng năm luân phiên

nhau mở một vài hội nghị liên tịch, trao đổi và thông tin cho nhau, tổ chức các hoạt động xúc tiến tuyên truyền quảng cáo về “tua” du lịch Vịnh Bắc Bộ; *ba là*, hợp tác doanh nghiệp du lịch duyên hải Vịnh Bắc Bộ: xây dựng mạng lưới liên lạc với nhau và các câu lạc bộ, mỗi năm tổ chức một lần hội nghị câu lạc bộ, trao đổi và cung cấp thông tin cho nhau, tổ chức các hoạt động xúc tiến tuyên truyền quảng cáo về “tua” du lịch Vịnh Bắc Bộ, làm tốt khâu hợp tác tiếp đón khách du lịch.

*Thứ ba*, vấn đề khai thác và bảo vệ nguồn cá Vịnh Bắc Bộ. Tuy hai bên đã ký Hiệp định hợp tác nghề cá, hơn nữa hàng năm phía Trung Quốc đều có lịch nghỉ đánh bắt cá, nhưng hai bên muốn cùng nhau khai thác và bảo vệ tốt nguồn cá ở Vịnh Bắc Bộ thì còn rất nhiều việc phải làm. Quan trọng là cần thành lập một cơ quan điều tiết và một cơ chế hợp tác, về mặt sản xuất và buôn bán thì cần trao đổi thông tin cho nhau, từng bước hình thành xu thế phát triển tốt trong sản xuất và bảo vệ nguồn cá ở Vịnh Bắc Bộ.

*Thứ tư*, bảo vệ tốt môi trường trong sạch của Vịnh Bắc Bộ. Hiện nay, Vịnh Bắc Bộ vẫn chưa bị ô nhiễm nghiêm trọng. Có một môi trường trong sạch là rất quan trọng đối với nghề cá, du lịch, đặc biệt là sự sinh tồn của cư dân ven biển. Do đó, chúng ta cần tích cực trân trọng và bảo vệ tốt môi trường thiên nhiên hiếm có ở đây. Hai nước cần hợp tác xây dựng một cơ quan điều phối bảo vệ môi trường Vịnh Bắc Bộ, đưa ra quy hoạch bảo vệ môi trường, chế định tiêu chuẩn ô nhiễm, xây dựng mạng lưới

giám sát kiểm tra, hàng năm tổ chức hội nghị đánh giá, đảm bảo chắc chắn Vịnh Bắc Bộ mãi mãi có một môi trường trong sạch.

*Thứ năm*, xây dựng khu hợp tác kinh tế biên giới Đông Hưng, Trung Quốc – Móng Cái, Việt Nam. Đông Hưng và Móng Cái là vùng đất liền kết quan trọng ở duyên hải Vịnh Bắc Bộ, vừa có đường biên giới và đường biển nên trao đổi qua lại hết sức thuận tiện. Đông Hưng và Móng Cái lần lượt là khu hợp tác kinh tế biên phòng của Trung Quốc và Việt Nam, là cánh cửa quan trọng của hai bên hướng ra ngoài. Mở cửa và hợp tác giữa hai bên đã rất có cơ sở, hai nước Trung - Việt nên sớm kết nối hai vùng đất này, vạch rõ phạm vi và giới tuyến của khu hợp tác kinh tế biên giới này, và cách làm này sẽ có tác dụng dẫn dắt việc thực hiện khu mậu dịch tự do Trung Quốc – ASEAN, không những sẽ từng bước thúc đẩy hợp tác và phát triển của địa phương, mà còn thúc đẩy mạnh mẽ hơn quan hệ hữu nghị Trung - Việt, thúc đẩy hợp tác Trung Quốc – ASEAN.

## V. BIỆN PHÁP VÀ CƠ CHẾ HỢP TÁC

### 1. Tiến hành nghiên cứu trước.

Hiện nay, dù kiện để hình thành nên Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ rất ít, vẫn chưa có kế hoạch thao tác hoặc một lộ trình cụ thể. Do đó, có thể từ các bộ, ngành liên quan của hai bên hình thành nên một tổ công tác, hoặc ủy thác nghiên cứu vấn đề này. Nên giao cho các đơn vị nghiên cứu khoa học có cơ sở ngoại ngữ, như Sở Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện KHXH Quảng Tây, Trung Quốc, vừa có cơ sở nghiên cứu nhất định về vành đai

kinh tế Vịnh Bắc Bộ, lại có rất nhiều chuyên gia tinh thông tiếng Việt. Về phía Việt Nam có Viện Nghiên cứu Trung Quốc thuộc Viện KHXH Việt Nam, cũng có rất nhiều chuyên gia tinh thông tiếng Trung Quốc. Những cơ sở này tổ chức thành Tổ chuyên đề liên hợp, trước tiên triển khai điều tra nghiên cứu, bước đầu đưa ra một bản thảo hợp tác, bao gồm phạm vi hợp tác, chủ thể và nội dung chủ yếu, nguyên tắc hợp tác và từng bước tiến hành..., cùng đàm phán giữa hai nước làm tài liệu tham khảo cơ sở.

Kết hợp giữa học giả, chính quyền (chính phủ) và doanh nghiệp. Bước đầu, các học giả đề xuất quan điểm, tiến hành thảo luận, nếu thấy có tính khả thi, chính quyền (chính phủ) sẽ khẳng định, sau đó để các doanh nghiệp xúc tiến thực hiện.

## **2. Xây dựng diễn đàn Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ.**

Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ không giống với hợp tác khu vực trong nước nói chung, có rất nhiều vấn đề cần một quá trình tìm hiểu và nhận thức, hơn nữa còn cần một trình tự phiên dịch giữa hai nước, do đó trước mỗi bước hợp tác, mỗi một hạng mục đều có một quá trình nhận thức chung. Để các bên có thể phát biểu ý kiến đầy đủ, để hai bên có thể hiểu rõ những kiến nghị và ý đồ của nhau, trên cơ sở những nghiên cứu kể trên, có thể thành lập một Diễn đàn Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ. Hơn nữa, để thúc đẩy sự hợp tác trong các lĩnh vực, tốt nhất cần tổ chức một vài diễn đàn

mang tính chuyên ngành, như diễn đàn về khai thác và bảo vệ nghề cá, hợp tác du lịch, hợp tác giao thông, bảo vệ môi trường..., mỗi bên cần chuẩn bị tốt và đầy đủ các kiến nghị, và phiên dịch chính xác thành các bản tiếng Trung, tiếng Việt, để tiện cho các bên có thể đi tới ý kiến thống nhất một cách nhanh nhất.

## **3. Xây dựng cơ quan tổ chức điều phối**

*Một là*, cơ quan tổ chức điều phối cấp Trung ương giữa hai nước, chủ yếu do nhân viên của các bộ ngành ngoại giao, thương mại, Ủy ban cải cách phát triển của hai bên tổ thành. Chức năng chủ yếu là chế định quy hoạch và phương án hợp tác tổng thể Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, xây dựng các hạng mục hợp tác lớn, thẩm định, phê chuẩn các kế hoạch hợp tác và dự án hợp tác... do các khu, tỉnh đưa ra.

*Hai là*, cơ quan tổ chức điều phối cấp tỉnh, chủ yếu do nhân viên của các cơ quan ngoại vụ, thương vụ, ủy ban cải cách phát triển cấp tỉnh, khu của hai bên tham gia hợp tác Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ tổ thành. Chức năng chủ yếu là chế định quy hoạch và phương án hợp tác cục bộ Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, kiến nghị với Trung ương các hạng mục lớn và vừa, và đề ra kế hoạch hợp tác và hạng mục hợp tác của địa phương. Các kế hoạch hợp tác và hạng mục hợp tác được điều phối và thực hiện cụ thể, được Trung ương ủy thác, cũng có thể cùng với phía bạn hội đàm một vài hạng mục hợp tác cụ thể.

Ba là, cơ chế gặp gỡ liên tịch giữa các thành phố vùng duyên hải Vịnh Bắc Bộ. Hàng năm, các thành phố vùng duyên hải Vịnh Bắc Bộ của hai nước tổ chức một hoặc nhiều lần hội nghị liên tịch, cùng thông báo tình hình phát triển cho nhau, đề ra kế hoạch hợp tác, giải quyết các vấn đề còn tồn tại, tăng cường hiểu biết lẫn nhau, thúc đẩy hữu nghị, cùng thực hiện các hiệp định và nhận thức chung mà lãnh đạo hai nước đã đạt được.

#### 4. Xuất bản ấn phẩm thông tin.

Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ là một hạng mục hợp tác quan trọng giữa hai nước Trung - Việt, phạm vi rất rộng, nội dung rất phong phú, thời gian cũng sẽ rất dài. Do đó, sẽ có rất nhiều tình hình cần công bố, rất nhiều tư liệu và thông tin cần các bên hiểu và thảo luận. Nếu có một tập san hoặc bản tin xuất bản định kỳ sẽ có lợi cho cả hai bên. Thời kỳ đầu bản tin này có thể ra không định kỳ hoặc theo quý, tốt nhất là song ngữ Trung - Việt. Thông qua bản tin này, các bên hiểu về tình hình phát triển kinh tế, hợp tác giữa các bên và động thái, tiến trình hợp tác, đưa ra kiến nghị hợp tác..., để hiểu biết lẫn nhau.

#### 5. Có một vùng cơ sở.

Như trên đã trình bày, hợp tác Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ được triển khai sẽ có rất nhiều việc phải làm, phải bàn bạc, cần mở hội nghị ... Điều đó đòi hỏi cần có một cơ sở đảm đương những công việc cụ thể này. Kiến nghị, nên chọn ra một thành phố có cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện, giao thông tương đối thuận

tiện, trong vùng duyên hải Vịnh Bắc Bộ làm cơ sở triển khai hợp tác Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ. Đó không chỉ trở thành địa điểm hàng năm các bên tiến hành hội nghị, mà còn có thể cung cấp kinh phí hoạt động cho các hoạt động liên quan.

*Kết luận:* Hiện nay thời cơ đã chín muồi cho việc xây dựng Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ. Lãnh đạo hai nước Trung - Việt rất coi trọng việc này và các khu vực liên quan của hai bên cũng rất tích cực ủng hộ. Chúng ta phải nắm chắc thời cơ triển khai việc hợp tác này. Xét đến Vành đai Vịnh Bắc Bộ các địa phương giữa hai nước trong Vành đai đều là khu vực đang phát triển, sự hỗ trợ kinh tế chỉ có tính tương đối nhất định. Hai bên nên xuất phát từ tôn chỉ cùng có lợi và hợp tác cùng hưng thịnh, cố gắng tìm ra những điểm chung trong lợi ích, lựa chọn được điểm tiếp cận hợp tác thực chất. Đồng thời, hai nước Trung - Việt, do nguyên nhân lịch sử, giữa hai bên cần tăng cường hiểu biết lẫn nhau, do đó, trước hết hợp tác phải bắt đầu làm tốt từ việc trao đổi hiểu biết lẫn nhau. Các bên nên đề ra những suy nghĩ và kiến nghị của mình, đạt được nhận thức chung, sau đó mới thúc đẩy hợp tác trên những dự án thực tế.



#### CHÚ THÍCH:

Tân Hoa Xã: Điện 2-12-2001: "Tuyên bố hữu nghị Trung - Việt"